

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 01/2025/LĐ-ST

Ngày: 21- 4 - 2025

V/v: “Tranh chấp **tiền lương,**
hoa hồng, phụ cấp”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Vang**

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Dương Thúy Hà**

Bà **Nguyễn Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông/Bà **Tô Minh Phú**– Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 01/2025/TLST-LĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2025, về việc “**Tranh chấp tiền lương, hoa hồng, phụ cấp**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-LĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: - Bà **Lý Thị Cẩm T**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số L, đường số D, khu dân cư N, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện tại: 388J - 388Z, khu dân cư Đ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

+ Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng của bà Lý Thị Cẩm T theo văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 12 năm 2023: Ông Trần Đình H, sinh năm 1989. *Yêu cầu giải quyết vắng mặt* - Địa chỉ: B, N, phường B, thành phố C Đồng Tháp; Ông Trần Tấn L, sinh năm 1999. *Có mặt* - Địa chỉ: Tổ G, khóm M, phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: - Công ty cổ phần Đ

Địa chỉ trụ sở chính: 155, đường B, KDC H, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

+ Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngân T1 - Giám đốc. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 06 năm 2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Năm 2020 bà Lý Thị Cẩm T là nhân viên kinh doanh của Công ty cổ phần Đ nhưng chưa ký hợp đồng lao động. Đến năm 2021 bà Lý Thị Cẩm T có ký hợp đồng lao động với công ty Đ. Trong hợp đồng lao động có thỏa thuận về tiền lương, hoa hồng, phụ cấp.... Ngoài ra công ty có văn bản về chính sách chuyên viên cao cấp, chính sách kinh doanh đều thể hiện tiền thưởng cọc, thưởng lương, hoa hồng sản phẩm...

Bà Lý Thị Cẩm T đã thực hiện công việc theo hợp đồng nhưng chưa được hưởng những chính sách trên. Hiện tại bà T đã chấm dứt hợp đồng lao động với công ty Đ nhưng những khoản tiền chính sách về tiền thưởng cọc, hoa hồng sản phẩm thì công ty Đ chưa thanh toán.

Do đó bà Cẩm T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty Cổ phần Đ trả tiền thưởng lương (hoa hồng, phụ cấp...) số tiền 88.138.250 đồng (Bằng chữ: *T2 mươi tám triệu một trăm ba mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng*), bao gồm:

+ Nền L63-78: tiền phí hoa hồng: 32.215.269 đồng (Bằng chữ: *Ba mươi hai triệu hai trăm mười lăm nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng*); phí đồng hành cùng phát triển 4% số tiền: 3.600.000 đồng (Bằng chữ: *Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*). Lô nền L63-78: giao dịch không thành công vẫn được thưởng tiền cọc trên số tiền phạt cọc của khách hàng. Nguyên đơn chưa nhận khoản tiền nào.

+ Nền L30-10: tiền phí hoa hồng đợt 2: 7.842.609 đồng (Bằng chữ: *Bảy triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm lẻ chín đồng*).

+ Phí đồng hành cùng phát triển 8% năm 2021: 44.371.174 đồng (Bằng chữ: *Bốn mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi một nghìn một bảy mươi bốn đồng*).

Đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đ là ông Phạm Ngân T1, trình bày ý kiến:

Ông Phạm Ngân T1 là đại diện theo pháp luật của Công ty Đ có tuyển dụng bà Lý Thị Cẩm T có ký hợp đồng lao động vào năm 2021. Năm 2020 bà T có làm việc với công ty với hình thức thử việc, cộng tác cá nhân, không có trả lương mà hưởng hoa hồng trên sản phẩm giao dịch thành công. Ngày 25 tháng 02 năm 2022 chấm dứt hợp đồng lao động với bà Lý Thị Cẩm T.

Theo chính sách chuyên viên cao cấp thì thưởng lương 7.000.000 đồng (Bằng chữ: *Bảy triệu đồng*); thưởng nóng cọc 500.000 đồng (Bằng chữ: *Năm trăm nghìn đồng*); thưởng hoa hồng trưởng nhóm: 04%/ tổng thu hoa hồng đội nhóm giao dịch thành công; Hoa hồng sản phẩm: 35%/tổng doanh thu sản phẩm giao dịch thành công. Chính sách này ban hành tùy vào từng thời điểm. Công ty cổ phần Đ có ý kiến đối với yêu khởi kiện của bà T như sau:

1. Nền L63-78: - Giao dịch không thành công:

+ Hoa hồng sản phẩm: không có

+ Thuởng nóng cộc: 500.000 đồng.

Lô nền này giao dịch với hình thức vay giải ngân với chủ đầu tư. Khách hàng không giải ngân được nên đã thanh lý hợp đồng với khách hàng. Có thuởng khích lệ cho bà Cẩm T số tiền 500.000 đồng, không có chứng từ ký nhận.

+ Phí đồng hành phát triển 4%: Không có.

2. Nền L30-10:

- Giao dịch thành công: tại thời điểm giao dịch này thì Lý Cẩm T chỉ hỗ trợ cho công ty khi giao dịch nên chỉ hưởng phí: 7.842.609 đồng (50% đợt 1) đã thanh toán xong. Còn 50% còn lại 7.842.609 đồng chưa thanh toán.

3. Các lô nền L44-07, L44-08, L44-09, L53-14 Lý Thị Cẩm Tiên giao dịch thành công số tiền phí đồng hành cùng phát triển năm 2021 là: 46.371.174 đồng. Đã chuyển khoản 2.000.000 đồng. Số tiền còn lại 44.371.174 đồng (Bằng chữ: *Bốn mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn một bảy mươi bốn đồng*)

4. Nền L54-24 không phải Lý Thị Cẩm T trực tiếp giao dịch nên chỉ hưởng phí 2% với số tiền 2.661.606 đồng, đã thanh toán xong, Lý Thị Cẩm T đã ký nhận trực tiếp ngày 17/6/2024 số tiền 1.330.803 đồng và chuyển khoản ngày 5/01/2024 số tiền 1.330.803 đồng.

Do đó, tổng số tiền Công ty cổ phần Đ còn nợ bà Lý Thị Cẩm T là 52.213.783 đồng (Bằng chữ: *Năm mươi hai triệu hai trăm mười ba nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng*).

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Lý Thị Cẩm T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện:

Buộc Công ty Cổ phần Đ trả tiền thuởng lương (hoa hồng, phụ cấp...) số tiền 88.138.250 đồng (Bằng chữ: *T2 mươi tám triệu một trăm ba mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng*)

Đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đ trình bày: Đồng ý chi trả cho bà Lý Thị Cẩm T số tiền 52.213.783 đồng (Bằng chữ: *Năm mươi hai triệu hai trăm mười ba nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng*).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như của Hội đồng xét xử ngày hôm nay là đúng trình tự thủ tục luật định.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa của các đương sự: xét thấy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 88.138.250 đồng (Bằng chữ: *T2 mươi tám triệu một trăm ba mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng*), các đương sự thống nhất được số tiền bị đơn có nghĩa vụ chi trả là 52.213.783 đồng (Bằng chữ: *Năm mươi hai triệu hai trăm mười ba nghìn bảy*

trăm tám mươi ba đồng). Riêng đối với số tiền 32.216.269 đồng tiền phí hoa hồng và 3.600.000 đồng phí đồng hành cùng phát triển. Nguyên đơn trình bày nền L63-78 đã giao dịch thành công vì bà T đã thực xong nhiệm vụ của nhân viên giới thiệu khách hàng đặt cọc, trong khi bị đơn giải thích chính sách công ty đưa ra giao dịch thành công là khi chủ đầu tư nhận tiền từ khách hàng và chuyển phí cho công ty. Nhận thấy, việc trình bày của bị đơn là phù hợp với ý chí mục đích thực và mục đích thực của giao dịch đối với bất động sản theo Điều 121 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, đối với nền L63-78 chỉ dừng lại ở mức nhận cọc, giao dịch chưa thành công nên bà T không được hưởng chính sách đối với sản phẩm này.

Từ phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Cẩm T chỉ có cơ sở chấp nhận một phần

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy.

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tiền thưởng hoa hồng, phụ cấp theo hợp đồng lao động. Bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại quận C, thành phố Cần Thơ. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp tiền lương, hoa hồng, phụ cấp” và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ được quy định tại các Điều 32,35,39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn, bị đơn giao nộp, thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hợp đồng lao động: Năm 2020 bà Lý Thị Cẩm T3 cộng tác, thử việc với Công ty Cổ phần Đ theo các quyết định số: 034/QĐ-KH về việc điều động cán bộ giữ chức vụ chuyên viên cao cấp bậc 1 kể từ ngày 22 tháng 6 năm 2020; Quyết định số: 040/QĐ-KH về việc điều động cán bộ giữ chức vụ chuyên viên cao cấp bậc 2 kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2020; Quyết định số: 050/QĐ-KH về việc điều động cán bộ giữ chức vụ Giám đốc Sàn 01 kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2021. Ngày 01 tháng 7 năm 2021 giữa bà Lý Thị Cẩm T và Công ty cổ phần Đ có ký hợp đồng lao động có thời hạn. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật, tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bị đơn đủ tư cách pháp nhân. Do đó các quyết định điều động và hợp đồng lao động có hiệu lực. Ngày 25/02/2025 bà Cẩm T và công ty cổ phần Đ chấm dứt hợp đồng lao động theo Quyết định số: 01/2022/NS-KH đúng với quy định.

[2.2] Về tiền thưởng : Nguyên đơn yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Đ trả tiền thưởng lương (hoa hồng, phụ cấp...) số tiền 88.138.250 đồng (Bằng chữ: T2 mươi tám triệu

một trăm ba mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng).

[2.2.1] Các bên đương sự thống nhất số tiền 52.213.783 đồng (Bằng chữ: *Năm mươi hai triệu hai trăm mười ba nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng*), bao gồm: 7.842.609 đồng (50% đợt 2) phí lô nền L30-10: Các lô nền L44-07, L44-08, L44-09, L53-14 số tiền phí đồng hành cùng phát triển năm 2021 còn lại 44.371.174 đồng (Bằng chữ: *Bốn mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi một nghìn một trăm bảy mươi bốn đồng*), bị đơn tự nguyện trả cho bà Lý Thị Cẩm T là phù hợp với quy định.

[2.2.2] Tiền phí hoa hồng 32.215.269 đồng (Bằng chữ: *Ba mươi triệu hai trăm mười lăm nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng*) và phí đồng hành cùng phát triển 4% số tiền 3.600.000 đồng (Bằng chữ: *Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) đối với nền L63-78. Nền L63-78 các bên thống nhất giao dịch không thành công chủ đầu tư đã nhận cọc, nguyên đơn cho rằng công ty đã nhận phí thì phải chi trả hoa hồng và phí cho nguyên đơn. Xét thấy, các bên thống nhất các điều khoản đã thỏa thuận về chính sách chuyên viên cao cấp và chính sách kinh doanh ngày 13 tháng 6 năm 2020 của Công ty cổ phần Đ có quy định thưởng tiền nóng cọc khi khách hàng hoàn thành thủ tục đặt cọc sản phẩm do công ty phân phối là 500.000 đồng; Hoa hồng sản phẩm 35%/ tổng doanh thu sản phẩm giao dịch thành công; thưởng chuyên viên hợp tác và đồng hành cùng phát triển thưởng 8% tổng doanh thu chuyên viên kinh doanh giao dịch thành công. Như vậy, theo quy chế thưởng công ty nêu trên chỉ khi giao dịch thành công sẽ chi trả tiền hoa hồng và phí phát triển trong khi đó giao dịch nền L63-78 đã hoàn thành thủ tục cọc sản phẩm, khách hàng và chủ đầu tư đã thanh lý hợp đồng đặt cọc chưa đi đến giao dịch mua bán (do chưa giải ngân từ phía Ngân hàng) và các bên cũng thống nhất giao dịch không thành công. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là chưa đủ cơ sở chấp nhận.

[2.2.3] Đối với tiền thưởng nóng cọc 500.000 đồng, nguyên đơn cho rằng chưa nhận, bị đơn cho rằng đây là tiền khích lệ đã trao nhưng không ký nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Cẩm T.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm:

- Bà Lý Thị Cẩm T được miễn án phí.
- Công ty cổ phần Đ phải án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, 35, 39, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 13, 14, 24, 25, 90, 94, 95, 104, 179, 180, 187 Luật Lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Cẩm T đối với công ty cổ phần Đ.

Buộc Công ty cổ phần Đ **chi trả cho bà Lý Thị Cẩm T số tiền là 52.213.783 đồng** (Bằng chữ: *Năm mươi hai triệu hai trăm mười ba nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng*).

[2]. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Công ty cổ phần Đ **phải chịu 1.566.413 đồng** (Bằng chữ: *Một triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm mười ba đồng*).

- Bà Lý Thị Cẩm T được nhận lại 1.478.000 đồng (Bằng chữ: *Một triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004010, ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

[3]. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự quận Cái Răng;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Trần Thị Hồng Vang

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày 21 tháng 4 năm 2025

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng V**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Dương Thúy Hà**

Bà **Nguyễn Thị Ngọc Dung**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 01/2025/TLST-DS, ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc **“Tranh chấp tiền lương, hoa hồng, phụ cấp”**, giữa:

- Nguyên đơn: - Bà **Lý Thị Cẩm T**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số L, đường số D, khu dân cư N, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện tại: 388J - 388Z, khu dân cư Đ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

+ **Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng của bà Lý Thị Cẩm T theo văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 12 năm 2023:** Ông Trần Đình H, sinh năm 1989. *Yêu cầu giải quyết vắng mặt* - Địa chỉ: B, N, phường B, thành phố C Đồng Tháp; Ông Trần Tấn L, sinh năm 1999. *Có mặt* - Địa chỉ: Tổ G, khóm M, phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: - **Công ty cổ phần Đ**

Địa chỉ trụ sở chính: 155, đường B, KDC H, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

+ **Đại diện theo pháp luật:** Ông Phạm Ngân T1 - Giám đốc. *Có mặt*
Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

**Hội thẩm nhân dân 1 nêu ý kiến và đề nghị: (1/3)*

Căn cứ vào các Điều 32, 35, 39, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 13, 14, 24, 25, 90, 94, 95, 104, 179, 180, 187 Luật Lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Cẩm T đối với công ty cổ phần Đ.

Buộc Công ty cổ phần Đ **chi trả cho bà Lý Thị Cẩm T số tiền là 52.213.783 đồng** (Bằng chữ: *Năm mươi hai triệu hai trăm mười ba nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng*).

[2]. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Công ty cổ phần Đ **phải chịu 1.566.413 đồng** (Bằng chữ: *Một triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm mười ba đồng*).

- Bà Lý Thị Cẩm T được nhận lại 1.478.000 đồng (Bằng chữ: *Một triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004010, ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

[3]. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Hội thẩm nhân 2: Đồng ý (1/3)*

**Chủ tọa: Đồng ý (1/3)*

Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử có ý kiến quyết định như sau:

Thống nhất với đề nghị mà Hội thẩm nhân dân 1 đã đưa ra (thống nhất 3/3).

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

